

Quảng Trị, ngày 20 tháng 10 năm 2025

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các Hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Trị có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo xây dựng giá, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 18 – Nghị định 214/2025/NĐ-CP cho gói thầu: Hóa chất, vật tư dùng trong xét nghiệm và sinh phẩm y tế sử dụng trên máy năm 2026 – 2027 với nội dung cụ thể như sau:

I. THÔNG TIN CỦA ĐƠN VỊ YÊU CẦU BÁO GIÁ

1. Đơn vị yêu cầu báo giá:

- Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Trị
- Địa chỉ: 266 Hùng Vương, Phường Nam Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Họ và tên: Trần Hữu Tuân, chức vụ: Phó Trưởng phòng VT-TBYT số điện thoại: 0901.990.789, email: phongvattutbytbvqt@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp qua đường công văn.
- Địa chỉ nhận: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Trị, 266 Hùng Vương, Phường Nam Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị.

Gửi kèm file báo giá bản pdf và excel về địa chỉ email: phongvattutbytbvqt@gmail.com

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá:

- Từ ngày 20 tháng 10 năm 2025 đến trước 16h00 ngày 31 tháng 10 năm 2025.
- Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

II. NỘI DUNG YÊU CẦU BÁO GIÁ

1. Danh mục hàng hóa: phụ lục I.

2. Mẫu bảng báo giá: phụ lục II.

3. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 150 ngày, kể từ ngày 31 tháng 10 năm 2025.

4. Địa điểm giao hàng: Tầng 2, khu nhà A- Phòng Vật tư -TBYT - Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Trị.

5. Thời gian giao hàng dự kiến: trong vòng 5-7 ngày sau khi nhận được dự trù.

6. Công ty cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Đơn vị cung cấp báo giá chịu trách nhiệm cung cấp thông tin về giá của hàng hóa, dịch vụ phù hợp với khả năng cung cấp của mình và phải bảo đảm việc cung cấp báo giá không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá hoặc nâng khống giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

7. Các yêu cầu khác: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp đính kèm tài liệu chứng minh đáp ứng các yêu cầu của bệnh viện nêu trong danh mục và gửi kèm các tài liệu liên quan (nếu có).

Lưu ý: Tài liệu chứng minh việc đáp ứng các thông số kỹ thuật của Bệnh viện phải được **đánh số thứ tự tương ứng theo Phụ lục I – Yêu cầu báo giá**, đồng thời **highlight (tô đậm hoặc đánh dấu)** các thông số kỹ thuật đáp ứng (nếu có). Trường hợp **không có tài liệu chứng minh** việc đáp ứng thông số kỹ thuật theo yêu cầu của Bệnh viện, **báo giá sẽ được xem là không đáp ứng**.

Trường hợp các mặt hàng được yêu cầu cung cấp theo bộ, Công ty có trách nhiệm báo giá đầy đủ từng thành phần trong bộ, đảm bảo đồng bộ.

Đề nghị các đơn vị/nhà cung cấp quan tâm có đủ năng lực, kinh nghiệm báo giá hàng hóa theo yêu cầu nêu trên.

Yêu cầu báo giá được đăng tải trên website của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Trị (<https://quangtrihospital.vn/>) và Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia./.

Nơi nhận:

- Ban Giám đốc;
- TCKT;
- Lưu: VT, VT-TBYT, 01.

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Trương Vĩnh Quý

Phụ lục I
DANH MỤC HÓA CHẤT, VẬT TƯ DÙNG TRONG XÉT NGHIỆM VÀ SINH PHẨM Y TẾ
SỬ DỤNG TRÊN MÁY NĂM 2026 – 2027 CỦA BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH QUẢNG TRỊ
(Kèm theo Yêu cầu báo giá ngày 20/10/2025 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh)

STT	Tên hàng hoá mời thầu	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật (nếu có)	Số lượng
1	Bộ cấy máu phát hiện vi khuẩn hiếu khí sử dụng được trên máy cấy máu tự động BD BACTEC FX40			
1.1	Chai cấy máu dùng cho trẻ em phát hiện vi khuẩn hiếu khí	Chai		2.000
1.2	Chai cấy máu dùng cho người lớn phát hiện vi khuẩn hiếu khí	Chai		15.000
2	Bộ xét nghiệm huyết thanh IgG phát hiện ký sinh trùng và đơn bào sử dụng được trên máy ELISA bán tự động ELX 800			
2.1	Clonorchis/Opisthorchis IgG (Sán lá gan nhỏ)	Test		1.728
2.2	Fasciola IgG (Sán lá gan lớn)	Test		2.304
2.3	Gnathostoma IgG (Giun đầu gai)	Test		960
2.4	Paragonimus IgG (Sán lá phổi)	Test		768
2.5	Cysticercus cellulosae IgG (Sán lợn)	Test		1.344
2.6	Echinococcus (Sán dây chó)	Test		2.112
2.7	Strongyloides IgG (Giun lươn)	Test		2.208
2.8	Toxocara IgG (Giun đũa chó/ mèo)	Test		3.840
2.9	E.histolytica IgG (Amip)	Test		768
2.10	Trichinella spiralis IgG (Giun xoắn)	Test		768
2.11	Schistosoma IgG (Sán máng)	Test		960
3	Bộ định danh vi khuẩn và kháng sinh đồ sử dụng được trên máy định danh và kháng sinh đồ tự động Phoenix			
3.1	Thẻ định danh và kháng sinh đồ Gram âm	Test/Panel		1.600
3.2	Thẻ định danh gram âm	Test/Panel		100
3.3	Thẻ kháng sinh đồ vi khuẩn gram âm	Test/Panel		2.200
3.4	Thẻ định danh và kháng sinh đồ Gram dương	Test/Panel		1.400

STT	Tên hàng hoá mời thầu	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật (nếu có)	Số lượng
3.5	Thẻ định danh và kháng sinh đồ liên cầu khuẩn	Test/Panel		700
3.6	Canh trường làm kháng sinh đồ-ast broth	Ống		10.000
3.7	Canh trường làm kháng sinh đồ dành cho liên cầu khuẩn ast-s broth	Ống		700
3.8	Canh trường định danh - id broth	Ống		7.000
3.9	Chỉ thị kháng sinh đồ ast indicator	Lọ		70
3.10	Chỉ thị kháng sinh đồ cho liên cầu khuẩn ast-s indicator	Lọ		48
4	Bộ kit phát hiện đột biến gen EGFR kèm phụ kiện và tuýp PCR Sử dụng được trên PCR Rotor-Gene Q (QIAGEN)			
4.1	Kit phát hiện đột biến gene EGFR (Kèm phụ kiện)	Test	Mục đích sử dụng: phát hiện ≥ 29 đột biến soma trong gen EGFR. Bao gồm hóa chất đánh giá chất lượng và số lượng EGFR DNA có thể khuếch đại trong mẫu.	600
4.2	Tuýp PCR 0.1ml	Cái		2.000
5	Bộ hóa chất xét nghiệm định tính kháng thể kháng virus viêm gan C sử dụng được trên máy miễn dịch tự động ARCHITECT			
5.1	Mẫu chuẩn Anti-HCV	Ml	- Hóa chất chuẩn hệ thống khi thực hiện xét nghiệm định tính phát hiện kháng thể kháng virus viêm gan (Anti-HCV) - Được điều chế trong huyết tương người đã canxi hóa (bất hoạt); có phản ứng với anti-HCV	16
5.2	Mẫu chứng Anti-HCV	Ml	Được sử dụng để kiểm tra việc hiệu chuẩn hệ thống khi thực hiện xét nghiệm định tính phát hiện kháng thể kháng virus viêm gan C (Anti-HCV). Được điều chế trong huyết tương người đã canxi hóa (bất hoạt).	64
5.3	Thuốc thử Anti-HCV	Test	Thuốc thử phát hiện định tính kháng thể kháng virus viêm gan C (anti-HCV). Thành phần: kháng nguyên HCV (E. coli, nấm men, tái tổ hợp) phủ trên vi hạt, chứa chất kết hợp kháng thể từ chuột kháng IgG/IgM người có đánh dấu acridinium, chứa dung dịch đệm TRIS có chất có hoạt tính bề mặt.	5.000
6	Bộ hóa chất xét nghiệm định tính kháng nguyên bề mặt virus viêm gan B (HbsAg) sử dụng được trên máy miễn dịch tự động ARCHITECT			

STT	Tên hàng hoá mời thầu	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật (nếu có)	Số lượng
6.1	Mẫu chuẩn HBsAg Định tính	Ml	- Được sử dụng để hiệu chuẩn hệ thống khi thực hiện định tính và khẳng định có kháng nguyên bề mặt virus viêm gan B (HBsAg). - Mẫu chuẩn 1 chứa HBsAg người tinh sạch dạng bất hoạt - Mẫu chuẩn 2 chứa huyết tương người đã calci hóa.	32
6.2	Mẫu chứng HBsAg Định tính	Ml	- Dùng để ước tính độ chính xác của xét nghiệm và phát hiện độ lệch hệ thống khi thực hiện xét nghiệm định tính và khẳng định có kháng nguyên bề mặt virus viêm gan B (HBsAg). - Mẫu chứng Âm có thành phần là huyết tương người đã vôi hóa. - Mẫu chứng Dương có thành phần là HBsAg người dạng tinh sạch đã bất hoạt.	64
6.3	Thuốc thử HBsAg Định tính	Test	- Dùng để định tính kháng nguyên bề mặt virus viêm gan B (HBsAg) trong mẫu huyết thanh và huyết tương người. - Thành phần: anti-HBs (IgM, IgG chuột đơn dòng) phủ vi hạt, chất kết hợp: anti-HBs (IgG, chuột, đơn dòng) và anti-HBs (dê, IgG) có đánh dấu acridinium, dung dịch đệm rửa phụ.	50.000
7	Bộ hóa chất xét nghiệm phát hiện đồng thời kháng nguyên và kháng thể kháng virus sử dụng được trên máy miễn dịch tự động ARCHITECT			
7.1	Mẫu chuẩn HIV Ag/Ab Combo	Ml	- Dùng để hiệu chuẩn hệ thống khi thực hiện xét nghiệm định tính phát hiện đồng thời kháng nguyên HIV p24 và các kháng thể kháng virus gây suy giảm miễn dịch týp 1 và/hoặc týp 2 (HIV-1/HIV-2). - Thành phần chứa tế bào virus HIV đã ly giải được tinh sạch.	32
7.2	Mẫu chứng HIV Ag/Ab Combo	Ml	- Được dùng để ước tính độ chính xác của xét nghiệm và phát hiện độ lệch hệ thống khi thực hiện xét nghiệm định tính phát hiện đồng thời kháng nguyên HIV p24 và các kháng thể kháng virus gây suy giảm miễn dịch týp 1 và/hoặc týp 2 (HIV-1/HIV-2). - Thành phần có: Mẫu chứng Dương 1 (bất hoạt) có phản ứng với anti-HIV-1. Mẫu chứng Dương 2 (bất hoạt) có phản ứng với anti-HIV-2. Mẫu chứng Dương 3 là tế bào virus HIV đã ly giải được tinh sạch.	128

STT	Tên hàng hoá mời thầu	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật (nếu có)	Số lượng
7.3	Thuốc thử HIV Ag/Ab Combo	Test	- Để phát hiện định tính đồng thời kháng nguyên HIV p24 và các kháng thể kháng virus gây suy giảm miễn dịch ở người loại 1 và/hoặc loại 2 (HIV-1/HIV-2). - Thành phần: Vi hạt: vi hạt được phủ kháng nguyên HIV-1/HIV-2 (tái tổ hợp) và kháng thể HIV p24 (đơn dòng, chuột); Chất kết hợp gồm kháng nguyên HIV-1 (tái tổ hợp) có đánh dấu acridinium, các peptid tổng hợp HIV-1/HIV-2 có đánh dấu acridinium, và kháng thể HIV p24 có đánh dấu acridinium; chứa dung dịch pha loãng xét nghiệm.	48.000
8	Bộ hóa chất, kit xét nghiệm Real-time PCR và vật tư tiêu hao sử dụng được máy sinh học phân tử tự động hoàn toàn			
8.1	Bộ xét nghiệm Real-time PCR định lượng virus Viêm gan C (đã bao gồm chất chuẩn, chứng dương và chứng nội)	Test	Bộ xét nghiệm phiên mã ngược axit nucleic và khuếch đại định lượng để phát hiện và định lượng RNA của vi rút viêm gan C (HCV) trong các mẫu RNA được tách chiết từ các mẫu bệnh phẩm. Xét nghiệm có thể phát hiện RNA của HCV thuộc kiểu gen 1,2,3,4,5,6. * Thành phần tối thiểu: HCV Mix HCV Standard HCV Positive Control HCV Internal Control * LoD: ≥ 26 IU/mL (11 copies/mL) mẫu huyết thanh, huyết tương * Độ đặc hiệu: 100% * Sử dụng cho mẫu tách chiết từ 600μL - 1000 μL trên máy sinh học phân tử tự động hoàn toàn * Sử dụng chứng nội CPE (đã bao gồm trong Kit)	1.000

STT	Tên hàng hoá mời thầu	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật (nếu có)	Số lượng
8.2	Bộ xét nghiệm Real-time PCR định lượng virus Viêm gan B (đã bao gồm chất chuẩn, chứng dương và chứng nội)	Test	* Bộ xét nghiệm khuếch đại axit nucleic để phát hiện và định lượng DNA của Vi-rút Viêm gan B (HBV) được tách chiết từ các mẫu bệnh phẩm. Xét nghiệm có thể phát hiện HBV thuộc các kiểu gen A, B, C, D, E, F, G, H, I và RF. * Thành phần: HBV Mix HBV Standard HBV Positive Control HBV Internal Control * LoD: ≥ 9 IU/mL (38 copies/mL) mẫu huyết thanh, huyết tương * Độ đặc hiệu: $\geq 97.6\%$ * Sử dụng cho mẫu tách chiết từ 200uL, 600uL - 1000 uL trên máy sinh học phân tử tự động hoàn toàn * Sử dụng chứng nội CPE (đã bao gồm trong Kit)	1.536
8.3	Chất chuẩn dương tính phức hợp vi khuẩn lao MTB	Test	* Thành phần: Mẫu chứng dương TB Positive Control. * Thời gian lưu kết quả tối thiểu: 15 ngày/lần	30
8.4	Bộ xét nghiệm Real-time PCR định tính chẩn đoán phức hợp vi khuẩn lao MTB	Test	* Bộ xét nghiệm khuếch đại axit nucleic định tính để phát hiện DNA phức hợp Mycobacterium tuberculosis (MTB) (M. tuberculosis, M. africanum, M. bovis, M. canettii, M. microti, M. caprae). * Thành phần: MTB EXTRA PCR Mix * Độ nhạy: mẫu đờm: 100%, BAL/BA: $\geq 91.3\%$; nước tiểu: $\geq 80\%$; sinh thiết: $\geq 90.5\%$; dịch khoang: $\geq 97.5\%$; mẫu hút dạ dày: $\geq 81.8\%$ * Độ đặc hiệu: mẫu đờm: $\geq 98\%$; BAL/BA: $\geq 97.5\%$; nước tiểu, sinh thiết, dịch khoang, mẫu hút dạ dày: 100% * Sử dụng cho mẫu tách chiết từ 200uL trên máy sinh học phân tử tự động hoàn toàn * Sử dụng chứng nội CPE	1.152
8.5	Chứng nội	Test		1.152
8.6	Cassette phản ứng PCR	Test	Tối thiểu 8 mẫu/mẻ Sử dụng được trên máy sinh học phân tử tự động hoàn toàn geneLEAD VIII	3.840

STT	Tên hàng hoá mời thầu	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật (nếu có)	Số lượng
8.7	Cassette đựng hóa chất PCR	Test	Tối thiểu 8 mẫu/mẻ Sử dụng được trên máy sinh học phân tử tự động hoàn toàn geneLEAD VIII	3.840
8.8	Hóa chất tách chiết mẫu 200μL hoặc 400μL	Test	Sử dụng được trên máy sinh học phân tử tự động hoàn toàn geneLEAD VIII	2.688
8.9	Hóa chất tách chiết mẫu 1000μL	Test	Sử dụng được trên máy sinh học phân tử tự động hoàn toàn geneLEAD VIII	1.008
8.10	Bộ vật tư tiêu hao tách chiết	Test	Sử dụng được trên máy sinh học phân tử tự động hoàn toàn geneLEAD VIII	3.696
8.11	Dung dịch đồng nhất và xử lý mẫu đàm, mủ	Test		1.152
9	Bộ kit sinh học phân tử phát hiện đột biến gen từ mẫu mô kèm bộ tách chiết sử dụng được trên máy PCR bán tự động			
9.1	Kit phát hiện các đột biến gene BRAF V600	Test	Kit phát hiện các đột biến BRAF (V600E, V600K, V600R, V600D, V600M và V600G) bằng kỹ thuật Real-time PCR. - Chứng nhận: CE-IVD	384
9.2	Kit phát hiện 35 đột biến gene KRAS và NRAS	Test	Bộ xét nghiệm phát hiện các đột biến KRAS và NRAS exon 2, 3 và 4 bằng kỹ thuật real-time PCR. - Chứng nhận: CE-IVD	400
9.3	Kit tách chiết DNA/RNA từ mẫu FFPE	Test	Bộ kit tách chiết DNA/RNA bộ gen từ mẫu mô cố định bằng formalin, nhúng trong paraffin (FFPE) bằng phương pháp cột lọc. - Chứng nhận: CE-IVD	800
10	Bộ hóa chất dùng cho xét nghiệm sinh hóa thường quy sử dụng được trên máy sinh hoá tự động DxC 700AU			
10.1	Dung dịch rửa hệ thống	ml	- Xuất xứ: G7 hoặc Châu Âu - Thành phần tối thiểu: Axit Sunfonic; muối natri; Genapol X080; C14-17-sec-alkane	600.000
10.2	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Uric Acid	Test	- Xuất xứ: G7 hoặc Châu Âu - Hóa chất xét nghiệm định lượng Acid uric trong huyết thanh, huyết tương người - Giá trị đo ít nhất đạt được trong khoảng 90–1500 μmol/L (Giá trị thấp nhất ≤ 90 μmol/L , giá trị cao nhất ≥ 1500 μmol/L) - Thành phần tối thiểu: Đệm phosphat, Peroxidase, Uricase, Ascorbat Oxidase. - Độ lặp lại: CV ≤ 3%; Độ chụm toàn phần: CV ≤ 5%.	23.000

STT	Tên hàng hoá mời thầu	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật (nếu có)	Số lượng
10.3	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Urea/Urea nitrogen	Test	Xuất xứ: G7 hoặc Châu Âu Hóa chất xét nghiệm định lượng Ure Giá trị dải đo ít nhất đạt được trong khoảng 1.5 – 40.0 mmol/L (Giá trị thấp nhất ≤ 1.5 mmol/L, giá trị cao nhất ≥ 40 mmol/L) (huyết thanh, huyết tương). Độ lặp lại: $CV \leq 5\%$; Độ chụm toàn phần $CV \leq 10\%$.	400.000
10.4	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Albumin	Test	Xuất xứ: G7 hoặc Châu Âu Hóa chất xét nghiệm định lượng Albumin. Giá trị dải đo ít nhất đạt được trong khoảng 15 – 60 g/L (Giá trị thấp nhất ≤ 15 g/L, giá trị cao nhất ≥ 60 g/L)(huyết thanh, huyết tương). Độ lặp lại: $CV \leq 3\%$, Độ chụm toàn phần: $CV \leq 4\%$.	59.500
10.5	Hóa chất dùng cho xét nghiệm α -Amylase	Test	- Xuất xứ: G7 hoặc Châu Âu - Hoá chất dùng cho xét nghiệm định lượng α -Amylase. Giá trị dải đo ít nhất đạt được trong khoảng 10 – 2000 U/L (Giá trị thấp nhất ≤ 10 U/L, giá trị cao nhất ≥ 2000 U/L). - Độ lặp lại: $CV \leq 5,0\%$; Độ chụm toàn phần: $CV \leq 10,0\%$.	20.000
10.6	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Bilirubin trực tiếp	Test	- Xuất xứ: G7 hoặc Châu Âu - Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng bilirubin trực tiếp. Giá trị dải đo ít nhất đạt được trong khoảng: 3.5 – 171 $\mu\text{mol/L}$ (Giá trị thấp nhất ≤ 3.5 $\mu\text{mol/L}$, giá trị cao nhất ≥ 171 $\mu\text{mol/L}$) - Độ lặp lại: $CV \leq 5\%$; Độ chụm toàn phần: $CV \leq 10\%$.	75.000
10.7	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Bilirubin toàn phần.	Test	- Xuất xứ: G7 hoặc Châu Âu - Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng bilirubin toàn phần. Giá trị dải đo ít nhất đạt được trong khoảng: 2,5 – 510 $\mu\text{mol/L}$ (Giá trị thấp nhất ≤ 2.5 $\mu\text{mol/L}$, giá trị cao nhất ≥ 510 $\mu\text{mol/L}$). Độ lặp lại: $CV \leq 5,0\%$; Độ chụm toàn phần: $CV \leq 10,0\%$.	75.000

STT	Tên hàng hoá mời thầu	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật (nếu có)	Số lượng
10.8	Hoá chất dùng cho xét nghiệm Cholesterol	Test	- Xuất xứ: G7 hoặc Châu Âu - Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Cholesterol; giá trị dải đo ít nhất đạt được trong khoảng 0,5 – 17,5 mmol/L (Giá trị thấp nhất 0.5 mmol/L, giá trị cao nhất ≥ 17.5 mmol/L) - Độ lặp lại $CV \leq 3\%$ Độ chụm toàn phần: $CV \leq 5\%$.	46.000
10.9	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Creatinine	Test	- Xuất xứ: G7 hoặc Châu Âu - Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Creatinine. Giá trị dải đo ít nhất đạt được trong khoảng: 10 – 2150 $\mu\text{mol/l}$ (Giá trị thấp nhất ≤ 10 $\mu\text{mol/L}$, giá trị cao nhất ≥ 2150 $\mu\text{mol/L}$) - Độ lặp lại: $CV \leq 3\%$; Độ chụm toàn phần: $CV \leq 5\%$.	410.000
10.10	Hóa chất dùng cho xét nghiệm CK	Test	- Xuất xứ: G7 hoặc Châu Âu - Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng CK. Giá trị dải đo ít nhất đạt được trong 15 – 2000 U/L (Giá trị thấp nhất ≤ 15 U/L, giá trị cao nhất ≥ 2000 U/L) - Độ lặp lại: $CV \leq 5\%$; Độ chụm toàn phần: $CV \leq 10\%$.	10.000
10.11	Hóa chất dùng cho xét nghiệm đo hoạt độ GGT	Test	- Xuất xứ: G7 hoặc Châu Âu - Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng GGT. Giá trị dải đo ít nhất đạt được trong khoảng 10 - 1200 U/L (Giá trị thấp nhất ≤ 10 U/L, giá trị cao nhất ≥ 1200 U/L) - Độ lặp lại: $CV \leq 5\%$; Độ chụm toàn phần: $CV \leq 10\%$;	30.000
10.12	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Glucose	Test	- Xuất xứ: G7 hoặc Châu Âu - Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng GGT. Giá trị dải đo ít nhất đạt được trong khoảng: 0,6 – 45,0 mmol/L - Độ lặp lại: $CV \leq 3\%$; Độ chụm toàn phần: $CV \leq 5\%$;	400.000
10.13	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Iron(sắt huyết thanh).	Test	- Xuất xứ: G7 hoặc Châu Âu - Hóa chất xét nghiệm Sắt trong huyết thanh và huyết tương người. Giá trị dải đo ít nhất đạt được trong khoảng 2 – 179 $\mu\text{mol/L}$ (Giá trị thấp nhất ≤ 2 $\mu\text{mol/L}$, giá trị cao nhất ≥ 179 $\mu\text{mol/L}$) - Độ lặp lại: $CV \leq 3.5\%$; Độ chụm toàn phần: $CV \leq 7\%$	15.000

STT	Tên hàng hoá mời thầu	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật (nếu có)	Số lượng
10.14	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Lipase.	Test	- Xuất xứ: G7 hoặc Châu Âu - Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng lipase. Giá trị dải đo ít nhất đạt được trong khoảng 3 – 600 U/L (Giá trị thấp nhất $\leq 3\text{U/L}$, giá trị cao nhất $\geq 600\text{ U/L}$) Độ lặp lại: $\text{CV} \leq 5,0\%$; Độ chụm toàn phần: $\text{CV} \leq 10\%$;	10.000
10.15	Hóa chất dùng cho xét nghiệm LDH	Test	- Xuất xứ: G7 hoặc Châu Âu - Hóa chất xét nghiệm LDH trong huyết thanh và huyết tương người. Giá trị dải đo ít nhất đạt được trong khoảng: 25–1000 U/L. (Giá trị thấp nhất $\leq 25\text{ U/L}$, giá trị cao nhất $\geq 1000\text{ U/L}$) - Độ lặp lại: $\text{CV} \leq 5,0\%$; Độ chụm toàn phần: $\text{CV} \leq 10,0\%$.	12.000
10.16	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Lactate	Test	- Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng L-Lactate; Dải giá trị đo ít nhất đạt được trong khoảng 0,22 – 13,32 mmol/L (Giá trị thấp nhất $\leq 0.22\text{ mmol/L}$, giá trị cao nhất $\geq 13.32\text{ mmol/L}$) - Thành phần tối thiểu: Lactate oxidase; Peroxidase; Good's Buffer (pH 7,0) - Độ lặp lại: $\text{CV} \leq 5,0\%$; Độ chụm toàn phần: $\text{CV} \leq 7,0\%$	33.000
10.17	Hoá chất dùng cho xét nghiệm định lượng phospho vô cơ	Test	- Xuất xứ: G7 hoặc Châu Âu - Hóa chất xét nghiệm định lượng Phospho vô cơ Khoảng tuyến tính tối thiểu có giá trị từ: Huyết thanh: 0,32-6,4 mmol/l; Nước tiểu: 3 -113 mmol/l Độ lặp lại: $\text{CV} \leq 3\%$; Độ chụm toàn phần: $\text{CV} \leq 5\%$;	5.000
10.18	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Protein toàn phần	Test	- Xuất xứ: G7 hoặc Châu Âu. - Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng protein toàn phần. Giá trị dải đo ít nhất đạt được trong khoảng 30–120 g/L (Giá trị thấp nhất $\leq 30\text{ g/L}$, giá trị cao nhất $\geq 120\text{L}$) - Độ lặp lại: $\text{CV} \leq 3,0\%$; Độ chụm toàn phần: $\text{CV} \leq 4,0\%$;	10.000

STT	Tên hàng hoá mời thầu	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật (nếu có)	Số lượng
10.19	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Triglyceride	Test	- Xuất xứ: G7 hoặc Châu Âu. - Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng triglyceride. Giá trị dải đo ít nhất đạt được trong khoảng 0,1 – 10 mmol/L (Giá trị thấp nhất ≤ 0.1 mmol/L, giá trị cao nhất ≥ 10 mmol/L) - Độ lặp lại: $CV \leq 3,5\%$; Độ chụm toàn phần: $CV \leq 7\%$;	150.000
10.20	Chất kiểm chuẩn cho các xét nghiệm sinh hóa mức 1 (Mức bình thường)	MI	- Xuất xứ: G7 hoặc Châu Âu. - Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy mức 1; Thành phần ít nhất bao gồm huyết thanh người dạng đông khô. Kiểm chuẩn được tối thiểu các xét nghiệm: Bilirubin-Total và Direct, ALT, Amylase, AST, CK-NAC, GGT, LDH; Lipase, Inorganic Phosphorus, Triglyceride, Albumin, Cholesterol, Creatinine, Glucose, Iron, Lactate, Magnesium, Total Protein, Urea & Uric Acid, APO A1	480
10.21	Chất kiểm chuẩn cho các xét nghiệm sinh hóa mức 2 (Mức bất thường)	MI	- Xuất xứ: G7 hoặc Châu Âu. - Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy mức 2; Thành phần ít nhất bao gồm huyết thanh người dạng đông khô. Kiểm chuẩn được tối thiểu các xét nghiệm: Bilirubin-Total và Direct, ALT, Amylase, AST, CK-NAC, GGT, LDH; Lipase, Inorganic Phosphorus, Triglyceride, Albumin, Cholesterol, Creatinine, Glucose, Iron, Lactate, Magnesium, Total Protein, Urea & Uric Acid, APO A1	480
10.22	Chất hiệu chuẩn cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy	MI	- Xuất xứ: G7 hoặc Châu Âu. - Huyết thanh hiệu chuẩn cho các xét nghiệm sinh hoá thường quy; Thành phần ít nhất bao gồm: huyết thanh người. Hiệu chuẩn cho các xét nghiệm: ALT, AST, Amylase, CK-NAC, GGT, LDH, Albumin, Creatinine, Cholesterol, Glucose, Lactate, Lipase, Protein toàn phần, Triglycerid, Ure, Uric Acid, Bilirubin, Phospho vô cơ, Sắt, Magnesi	150

STT	Tên hàng hoá mời thầu	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật (nếu có)	Số lượng
10.23	Hóa chất dùng cho xét nghiệm ALT	Test	- Xuất xứ: G7 hoặc Châu Âu. - Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng ALT. Giá trị dải đo ít nhất đạt được trong khoảng 5 – 500 U/L (Giá trị thấp nhất $\leq 5\text{U/L}$, giá trị cao nhất $\geq 500\text{U/L}$). - Độ lặp lại: $\text{CV} \leq 5\%$; Độ chụm toàn phần: $\text{CV} \leq 10\%$;	321.000
10.24	Hóa chất dùng cho xét nghiệm AST	Test	- Xuất xứ: G7 hoặc Châu Âu. - Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng AST. Giá trị dải đo ít nhất đạt được trong khoảng: 5 – 700 U/L (Giá trị thấp nhất $\leq 5\text{U/L}$, giá trị cao nhất $\geq 700\text{U/L}$) - Độ lặp lại: $\text{CV} \leq 5\%$; Độ chụm toàn phần: $\text{CV} \leq 10\%$;	321.000
11	Bộ xét nghiệm CK-MB sử dụng được trên hệ thống máy sinh hóa tự động DXC 700AU			
11.1	Hóa chất xét nghiệm CK MB	Test	- Xuất xứ: G7 hoặc Châu Âu. - Hóa chất xét nghiệm CK-MB trong huyết thanh và huyết tương người - Giá trị dải đo ít nhất đạt được từ 10 đến 2000 U/L (giá trị thấp nhất $\leq 10\text{U/L}$, giá trị cao nhất $\geq 2000\text{U/L}$) . Độ lặp lại: $\text{CV} \leq 5\%$. Độ chụm toàn phần: $\text{CV} \leq 10\%$.	37.700
11.2	Chất kiểm chuẩn mức 1 cho xét nghiệm CK-MB.	MI	- Xuất xứ: G7 hoặc Châu Âu. - Chất kiểm chuẩn mức 1 dùng trong xét nghiệm CK-MB; Thành phần ít nhất bao gồm huyết thanh người đông khô chứa isoenzym creatine kinase-MB	50
11.3	Chất kiểm chuẩn mức 2 cho xét nghiệm CK-MB.	MI	- Xuất xứ: G7 hoặc Châu Âu. - Chất kiểm chuẩn mức 2 dùng trong xét nghiệm CK-MB; Thành phần ít nhất bao gồm huyết thanh người đông khô chứa isoenzym creatine kinase-MB	50

STT	Tên hàng hoá mời thầu	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật (nếu có)	Số lượng
11.4	Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm CK-MB.	MI	- Xuất xứ: G7 hoặc Châu Âu. - Chất hiệu chuẩn dùng trong xét nghiệm CK-MB; Thành phần ít nhất bao gồm huyết thanh người đông khô chứa isoenzym creatine kinase-MB	30
12	Bộ xét nghiệm sinh hoá dịch cơ thể sử dụng được trên máy DXC 700AU			
12.1	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Albumin niệu/dịch não tủy	Test	- Xuất xứ: G7 hoặc Châu Âu. - Hóa chất dùng để định lượng nồng độ Albumin trong nước tiểu/dịch não tủy; Phương pháp: Đo độ đục miễn dịch; Giá trị dải đo ít nhất đạt được trong nước tiểu: 7–400 mg/L (Giá trị thấp nhất ≤ 7 mg/L, giá trị cao nhất ≥ 400 mg/L) - Độ lặp lại: $CV \leq 5\%$; Độ chụm toàn phần: $CV \leq 10\%$;	5.000
12.2	Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm Albumin niệu/dịch não tủy	MI	- Xuất xứ: G7 hoặc Châu Âu. - Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm Albumin trong nước tiểu/dịch não tủy. Thành phần ít nhất chứa: Albumin người.	40
12.3	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Protein niệu/dịch não tủy	Test	- Xuất xứ: G7 hoặc Châu Âu. - Hóa chất xét nghiệm Protein trong nước tiểu và dịch não tủy người - Giá trị dải đo ít nhất đạt được trong khoảng 0,04 – 2 g/L (Giá trị thấp nhất ≤ 0.04 g/L, giá trị cao nhất ≥ 2 g/L). Độ lặp lại: $CV \leq 5\%$. Độ chụm toàn phần: $CV \leq 10\%$.	9.400
12.4	Chất kiểm chứng dùng cho xét nghiệm sinh hoá trong dịch não tủy	MI	- Xuất xứ: G7 hoặc Châu Âu. - Chất kiểm chứng để dùng cho các xét nghiệm sinh hóa trong dịch não tủy.	160
12.5	Chất kiểm chứng dùng cho xét nghiệm sinh hoá trong nước tiểu	MI	- Xuất xứ: G7 hoặc Châu Âu. - Chất kiểm chứng để dùng cho các xét nghiệm sinh hóa trong dịch não tủy. Thành phần ít nhất bao gồm: Nước tiểu người, Amylase nước bọt người, Albumin huyết thanh.	180
13	Bộ Hóa chất, chất hiệu chuẩn và vật liệu kiểm chuẩn sử dụng được trên máy xét nghiệm sinh hóa tự động DXC 700AU			

STT	Tên hàng hoá mời thầu	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật (nếu có)	Số lượng
13.1	Hóa chất dùng cho xét nghiệm HDL-Cholesterol	Test	- Xuất xứ: G7 hoặc Châu Âu. - Hóa chất xét nghiệm HDL-cholesterol trong huyết thanh và huyết tương người, - Giá trị dải đo ít nhất đạt được trong khoảng 0,1 - 3.12 mmol/L (Giá trị thấp nhất ≤ 0.1 mmol/L, giá trị cao nhất ≥ 3.12 mmol/L). Độ lặp lại: CV $\leq 5,0\%$; Độ chụm toàn phần: CV $\leq 10,0\%$;	29.800
13.2	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm HDL	ML	- Xuất xứ: G7 hoặc Châu Âu. - Hoá chất hiệu chuẩn dùng cho xét nghiệm định lượng HDL-Cholesterol; - Thành phần ít nhất bao gồm: Huyết thanh người dạng đông khô	30
13.3	Hóa chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm HDL-Cholesterol (mức 1)	ML	- Xuất xứ: G7 hoặc Châu Âu. - Vật liệu kiểm soát chất lượng xét nghiệm định lượng HDL/LDL-Cholesterol trên hệ thống máy sinh hóa tự động. Thành phần ít nhất bao gồm: Huyết thanh người dạng đông khô.	100
13.4	Hóa chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm HDL-Cholesterol (mức 2)	ML	- Xuất xứ: G7 hoặc Châu Âu. - Vật liệu kiểm soát chất lượng xét nghiệm định lượng HDL/LDL-Cholesterol trên hệ thống máy sinh hóa tự động. - Thành phần ít nhất bao gồm: Huyết thanh người dạng đông khô	100
13.5	Hóa chất dùng cho xét nghiệm LDL-Cholesterol	Test	- Xuất xứ: G7 hoặc Châu Âu. - Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng LDL-cholesterol. Giá trị dải đo ít nhất đạt được trong khoảng: 0,26 - 10,3 mmol/L (Giá trị thấp nhất ≤ 0.26 mmol/L, giá trị cao nhất ≥ 10.3 mmol/L). Sử dụng được trên máy xét nghiệm sinh hóa tự động DXC 700AU. Độ lặp lại: CV $\leq 5,0\%$; Độ chụm toàn phần: CV $\leq 10,0\%$.	190.000
13.6	Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm LDL-Cholesterol	ML	- Xuất xứ: G7 hoặc Châu Âu. - Hoá chất hiệu chuẩn dùng cho xét nghiệm định lượng LDL-Cholesterol; - Thành phần ít nhất bao gồm: Huyết thanh người dạng đông khô.	30

STT	Tên hàng hoá mời thầu	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật (nếu có)	Số lượng
13.7	Hóa chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm LDL-Cholesterol (mức 1)	ML	- Xuất xứ: G7 hoặc Châu Âu. - Vật liệu kiểm soát chất lượng xét nghiệm định lượng HDL/LDL-Cholesterol trên hệ thống máy sinh hóa tự động. - Thành phần ít nhất bao gồm: Huyết thanh người dạng đông khô	100
13.8	Hóa chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm LDL-Cholesterol (mức 2)	ML	- Xuất xứ: G7 hoặc Châu Âu. - Vật liệu kiểm soát chất lượng xét nghiệm định lượng HDL/LDL-Cholesterol trên hệ thống máy sinh hóa tự động. - Thành phần ít nhất bao gồm: Huyết thanh người dạng đông khô	100
13.9	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Apo B	Test	- Xuất xứ: G7 hoặc Châu Âu. - Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Apo B	6.000
13.10	Chất hiệu chuẩn dùng cho các xét nghiệm định lượng Apo A1 và Apo B	ML	- Xuất xứ: G7 hoặc Châu Âu. - Chất hiệu chuẩn dùng trong xét nghiệm Apo A1 và Apo B. Chất hiệu chuẩn 5 mức	60
13.11	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng Apo B mức 2	ML	- Xuất xứ: G7 hoặc Châu Âu. - Chất kiểm chứng cho xét nghiệm Apo B mức 2	100
13.12	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm Apo B mức 3	ML	- Xuất xứ: G7 hoặc Châu Âu. - Chất kiểm chứng cho xét nghiệm Apo B mức 3.	100
14	Bộ hoá chất cho xét nghiệm miễn dịch đo độ đục sử dụng được trên máy DXC 700AU			
14.1	Chất hiệu chuẩn cho các xét nghiệm miễn dịch độ đục	ML	Chất hiệu chuẩn cho các xét nghiệm đo độ đục miễn dịch; Hiệu chuẩn được tối thiểu các xét nghiệm: Transferrin, Anti-Streptolysin O, CRP	60
14.2	Hóa chất kiểm chứng (nội kiểm) mức 1 cho các xét nghiệm đo độ đục miễn dịch.	ML	Kiểm chứng (nội kiểm) được tối thiểu các xét nghiệm: RF Latex; Anti-Streptolysin O; Transferrin, CRP	20
14.3	Hóa chất kiểm chứng (nội kiểm) mức 2 cho các xét nghiệm đo độ đục miễn dịch	ML	Kiểm chứng (nội kiểm) được tối thiểu các xét nghiệm : RF Latex; Anti-Streptolysin O; Transferrin, CRP	20
14.4	Hóa chất kiểm chứng (nội kiểm) mức 3 cho các xét nghiệm đo độ đục miễn dịch.	ML	Kiểm chứng (nội kiểm) được tối thiểu các xét nghiệm : RF Latex; Anti-Streptolysin O; Transferrin, CRP	20

STT	Tên hàng hoá mời thầu	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật (nếu có)	Số lượng
14.5	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng CRP	Test	- Hóa chất xét nghiệm CRP - Giá trị dải đo ít nhất đạt được trong khoảng: 1 đến 450 mg/l (Giá trị thấp nhất ≤ 1 mg/L, giá trị cao nhất ≥ 450 mg/L). Độ lặp lại: $CV \leq 7\%$. Độ chụm toàn phần: $CV \leq 14\%$. Thành phần tối thiểu bao gồm: Glycine buffer; Latex phủ kháng thể kháng CRP	150.000
14.6	Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm CRP	ML	- Hoá chất hiệu chuẩn xét nghiệm CRP thường - Chất hiệu chuẩn gồm ít nhất 5 mức nồng độ.	50
14.7	Chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm CRP Mức 1, mức 2	ML	Chất kiểm chứng cho xét nghiệm CRP Latex. Chất kiểm chứng 2 mức.	72
14.8	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Transferrin	Test	- Xuất xứ: G7 hoặc Châu Âu - Hóa chất xét nghiệm định lượng Transferrin, - Khoảng tuyến tính tối thiểu có giá trị từ 0,75 – 7,5 g/L (Giá trị thấp nhất ≤ 0.75 /L, giá trị cao nhất ≥ 7.5 g/L) - Độ lặp lại: $CV \leq 5\%$; - Độ chụm toàn phần: $CV \leq 10\%$	3.900
14.9	Chất hiệu chuẩn cho dùng cho xét nghiệm Transferrin.	ML	- Chất hiệu chuẩn cho các xét nghiệm đo độ đục miễn dịch; - Hiệu chuẩn được tối thiểu các xét nghiệm: Transferrin, Anti-Streptolysin O, CRP.	36
14.10	Hóa chất kiểm chứng mức 1 cho dùng cho xét nghiệm Transferrin.	ML	Kiểm chứng (nội kiểm) được tối thiểu các xét nghiệm: RF Latex; Anti-Streptolysin O; Transferrin, CRP.	10
14.11	Hóa chất kiểm chứng mức 2 cho dùng cho xét nghiệm Transferrin.	ML	Kiểm chứng (nội kiểm) được tối thiểu các xét nghiệm: RF Latex; Anti-Streptolysin O; Transferrin, CRP.	10
14.12	Hóa chất kiểm chứng mức 3 cho dùng cho xét nghiệm Transferrin.	ML	Kiểm chứng (nội kiểm) được tối thiểu các xét nghiệm: RF Latex; Anti-Streptolysin O; Transferrin, CRP.	10

STT	Tên hàng hoá mời thầu	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật (nếu có)	Số lượng
14.13	Hóa chất dùng cho xét nghiệm RF	Test	- Xuất xứ: G7 hoặc Châu Âu. - Hóa chất dùng cho xét nghiệm định RF. Phương pháp: Đo độ đục miễn dịch; Giá trị dải đo ít nhất đạt được trong khoảng: 10–120 IU/mL (Giá trị thấp nhất $\leq 10\text{IU/L}$, giá trị cao nhất $\geq 120\text{IU/L}$); Độ lặp lại: $\text{CV} \leq 10,0\%$ Độ chụm toàn phần: $\text{CV} \leq 10,0\%$	4.500
14.14	Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm RF	ML	- Chất hiệu chuẩn dùng cho xét nghiệm RF; - Thành phần ít nhất bao gồm: Chất nền huyết thanh người dạng lỏng chứa RF người	30
14.15	Hóa chất kiểm chứng mức 1 cho xét nghiệm RF	ML	Kiểm chứng (nội kiểm) được tối thiểu các xét nghiệm: RF Latex; Anti-Streptolysin O; Transferrin, CRP.	8
14.16	Hóa chất kiểm chứng mức 2 cho xét nghiệm RF	ML	Kiểm chứng (nội kiểm) được tối thiểu các xét nghiệm: RF Latex; Anti-Streptolysin O; Transferrin, CRP.	8
14.17	Hóa chất kiểm chứng mức 3 cho xét nghiệm RF	ML	Kiểm chứng (nội kiểm) được tối thiểu các xét nghiệm: RF Latex; Anti-Streptolysin O; Transferrin, CRP.	8
14.18	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Anti-streptolysin O	Test	- Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng kháng thể ASO; Phương pháp: Miễn dịch đo độ đục; Giá trị dải đo ít nhất đạt được trong khoảng 100 – 1000 IU/mL - Độ chụm toàn phần: $\text{CV} \leq 10\%$;	2.000
14.19	Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm Anti-streptolysin O	ML	Chất hiệu chuẩn cho các xét nghiệm đo độ đục miễn dịch; Hiệu chuẩn được tối thiểu các xét nghiệm: Transferrin, Anti-Streptolysin O, CRP.	24
14.20	Hóa chất kiểm chứng mức 1 cho xét nghiệm Anti-streptolysin O	ML	Hoá chất kiểm chứng mức 1 cho các xét nghiệm đo độ đục miễn dịch; Thành phần tối thiểu: Huyết thanh người ít nhất có chứa Anti-Streptolysin O; Yếu tố dạng thấp; Protein phản ứng C (CRP); Transferrin.	8

STT	Tên hàng hoá mời thầu	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật (nếu có)	Số lượng
14.21	Hóa chất kiểm chứng mức 2 cho xét nghiệm Anti-streptolysin O	ML	Hoá chất kiểm chứng mức 2 cho các xét nghiệm đo độ đục miễn dịch; Thành phần tối thiểu: Huyết thanh người ít nhất có chứa Anti-Streptolysin O; Yếu tố dạng thấp; Protein phản ứng C (CRP); Transferrin.	8
14.22	Hóa chất kiểm chứng mức 3 cho xét nghiệm Anti-streptolysin O	ML	Hoá chất kiểm chứng mức 3 cho các xét nghiệm đo độ đục miễn dịch; Thành phần: Huyết thanh người ít nhất có chứa Anti-Streptolysin O; Yếu tố dạng thấp; Protein phản ứng C (CRP); Transferrin.	8
15	Bộ hoá chất dùng cho xét nghiệm HbA1C Sử dụng được trên máy DXC 700AU			
15.1	Hóa chất dùng cho xét nghiệm HbA1c	Test	- Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng HbA1c; - Độ lặp lại: $CV \leq 4\%$.	14.000
15.2	Chất Hiệu chuẩn dùng cho xét nghiệm HbA1c	ML	Chất hiệu chuẩn dùng cho xét nghiệm HbA1c.	40
15.3	Hóa chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm HbA1c mức 1, mức 2	ML	Hóa chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm HbA1c.	32
15.4	Dung dịch ly giải hồng cầu dùng cho xét nghiệm HbA1c.	ML	Dung dịch ly giải hồng cầu dùng cho xét nghiệm HbA1c.	5.000
16	Bộ hoá chất cho xét nghiệm Amoniac và ethanol sử dụng được trên hệ thống sinh hoá tự động DXC 700AU			
16.1	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Ethanol	Test	Thuốc thử được dùng cho xét nghiệm định lượng ethanol	16.600
16.2	Hóa chất kiểm chuẩn dùng cho xét nghiệm Ethanol mức 1	ML	- Xuất xứ: G7 hoặc Châu Âu. - Hoá chất kiểm chuẩn dùng cho xét nghiệm định lượng amoniac, ethanol mức 1.	200
16.3	Hóa chất kiểm chuẩn dùng cho xét nghiệm Ethanol mức 2	ML	- Xuất xứ: G7 hoặc Châu Âu. - Hoá chất kiểm chuẩn dùng cho xét nghiệm định lượng amoniac, ethanol mức 2	200
16.4	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm Ethanol..	ML	- Xuất xứ: G7 hoặc Châu Âu. - Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng amoniac, ethanol.	200
16.5	Hoá chất dùng cho xét nghiệm Amoniac	Test	- Xuất xứ: G7 hoặc Châu Âu. - Thuốc thử được dùng cho xét nghiệm định lượng amoniac trong mẫu huyết tương	10.000
16.6	Hóa chất kiểm chuẩn dùng cho xét nghiệm Amoniac mức 1	ML	- Xuất xứ: G7 hoặc Châu Âu. - Hoá chất kiểm chuẩn dùng cho xét nghiệm định lượng amoniac, ethanol mức 1.	150

STT	Tên hàng hoá mời thầu	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật (nếu có)	Số lượng
16.7	Hóa chất kiểm chuẩn dùng cho xét nghiệm Amoniac mức 2	ML	- Xuất xứ: G7 hoặc Châu Âu - Hoá chất kiểm chuẩn dùng cho xét nghiệm định lượng amoniac, ethanol mức 2.	150
16.8	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm Amoniac.	ML	- Xuất xứ: G7 hoặc Châu Âu - Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng amoniac, ethanol.	150
17	Bộ hoá chất cho xét nghiệm định lượng Magiê và Kẽm sử dụng được trên máy DXC 700AU			
17.1	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Magnesium	Test	- Xuất xứ: G7 hoặc Châu Âu - Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng magnesium. Giá trị dải đo ít nhất đạt được trong khoảng: 0,2–3,3 mmol/L (Giá trị thấp nhất $\leq 0,2 \mu\text{mol/L}$, giá trị cao nhất $\geq 3,3 \mu\text{mol/L}$). Độ lặp lại CV $\leq 3,0\%$; ; Độ chụm toàn phần CV $\leq 7,0\%$.	4.000
17.2	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Zn (Kẽm)	Test	- Xuất xứ: G7 hoặc Châu Âu - Thuốc thử xét nghiệm định lượng Zn (Kẽm); Giá trị dải đo ít nhất đạt được trong khoảng: 0,444 - 76,5 $\mu\text{mol/L}$ (Giá trị thấp nhất $\leq 0,444 \mu\text{mol/L}$, giá trị cao nhất $\geq 76,5 \mu\text{mol/L}$). Độ lặp lại: CV $\leq 2 \%$; Độ chụm toàn phần: CV $\leq 2 \%$	3.000
17.3	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Zn (Kẽm)	ML	- Xuất xứ: G7 hoặc Châu Âu - Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Zn (Kẽm).	15
17.4	Hoá chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm kẽm mức bình thường	ML	- Xuất xứ: G7 hoặc Châu Âu - Hoá chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm kẽm mức bình thường. Thành phần ít nhất bao gồm huyết thanh người.	35
17.5	Hoá chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm kẽm mức bất thường	ML	- Xuất xứ: G7 hoặc Châu Âu - Hoá chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm kẽm mức bất thường. Thành phần ít nhất bao gồm huyết thanh người.	35
18	Bộ hóa chất sử dụng trên máy đông máu tự động MDC3500			
18.1	Thuốc thử xét nghiệm định lượng thời gian Prothrombin	ML	Thành phần tối thiểu: Sodium Chloride, Calcium Gluconate, Bovine .nant $\geq 20\text{g/L}$	6.000
18.2	Thuốc thử xác định định lượng Thời gian Thromboplastin từng phần hoạt hoá	ML	Thành phần tối thiểu: Ellagic Acid $\geq 2,8\text{g/L}$, Phenol, Rabbit Cephalin $\geq 1\text{g/L}$, Crystalline calcium chloride $\geq 5,4\text{g/L}$, Merthiolate Sodium.	1.500

STT	Tên hàng hoá mời thầu	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật (nếu có)	Số lượng
18.3	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Fibrinogen	Ml	Thành phần tối thiểu: Citrate, Sodium chloride, Sucrose, Thrombin ≥ 100.000 units/L, Imidazole, Hydrochloric acid.	1.500
18.4	Thuốc thử xác định định lượng D-Dimer	Ml	Thành phần tối thiểu: Hạt Latex phủ kháng thể đơn dòng kháng D-dimer $\geq 5\text{g/L}$, NaCl, Glycine, BSA	180
18.5	Cồng đo	Khay	1 khay có 4 cồng.	40.000
18.6	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm đông máu mức 1	Ml	Kiểm soát khoảng huyết tương mức thường trong xét nghiệm PT, APTT, FIB và TT. Thành phần tối thiểu: Bột đông khô, huyết tương người mức thường.	96
18.7	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm đông máu mức 2	Ml	Kiểm soát khoảng huyết tương mức bất thường trong xét nghiệm PT, APTT, FIB và TT. Thành phần tối thiểu: Bột đông khô, huyết tương người mức bất thường.	96
18.8	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm D-Dimer mức 1	Ml	Dùng để kiểm soát bộ xét nghiệm D-Dimer. Nồng độ $\leq 400\text{ng/mL}$.	24
18.9	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm D-Dimer mức 2	Ml	Dùng để kiểm soát bộ xét nghiệm D-Dimer. Nồng độ $\geq 900\text{ng/mL}$.	24
18.10	Dung dịch rửa dùng cho máy phân tích đông máu tự động	Ml	Làm sạch hệ thống phản ứng trong quá trình phát hiện, loại bỏ chất nhiễu tiềm tàng trước khi tạo tín hiệu. Thành phần tối thiểu: Phosphate $\leq 10\text{mmol/L}$, Sodium Chloride $\leq 20\text{mmol/L}$, Thimerosal Sodium $\leq 0.2\text{g/L}$.	585.600
19	Bộ hóa chất sử dụng trên máy đông máu tự động CA600 (PT, APTT, Fibrinogen)			
19.1	Hóa chất cho xét nghiệm thời gian Prothrombin	Ml	- Xuất xứ: G7 hoặc Châu Âu - Dùng trong xét nghiệm chỉ số PT (Prothrombin Time). Thành phần thuốc thử tối thiểu: lọ chứa thromboplastin não thỏ, canxi clorua và Natri Clorua.	5.000
19.2	Hóa chất xác định thời gian hoạt hoá từng phần thromboplastin (APTT) và các xét nghiệm liên quan đến đông máu	Ml	- Xuất xứ: G7 hoặc Châu Âu - Dùng trong xét nghiệm chỉ số aPTT. Thành phần tối thiểu thuốc thử: cephalin với axit ellagic, calcium chloride.	1.000
19.3	Hóa chất định lượng fibrinogen trong huyết tương	Ml	- Xuất xứ: G7 hoặc Châu Âu - Dùng trong xét nghiệm chỉ số Fibrinogen. Thành phần tối thiểu bao gồm: Thrombin: lọ chứa thrombin đông khô, dung dịch đệm imidazole.	1.000
19.4	Chất rửa máy II	Ml	- Xuất xứ: G7 hoặc Châu Âu - Thành phần tối thiểu: Sodium Hypochlorite	2.000
19.5	Ống phản ứng sử dụng trên máy đông máu tự động	Cái		30.000

STT	Tên hàng hoá mời thầu	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật (nếu có)	Số lượng
19.6	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm đông máu mức 1	MI	- Xuất xứ: G7 hoặc Châu Âu - Dung dịch QC mức bình thường cho máy xét nghiệm đông máu. Thành phần chứa thromboplastin não thỏ, canxi clorua và natri clorua. Bao gồm tối thiểu các chỉ số Prothrombin Time, APTT, APTT ellgic, Fibrinogen, Thrombin Time.	24
19.7	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm đông máu mức 2	MI	- Xuất xứ: G7 hoặc Châu Âu - Dung dịch kiểm chuẩn mức bệnh lý cho máy xét nghiệm đông máu. Bao gồm tối thiểu các chỉ số Prothrombin Time, APTT, APTT ellgic, Fibrinogen, Thrombin Time.	24
19.8	Nước rửa dùng cho máy xét nghiệm đông máu tự động	MI	- Xuất xứ: G7 hoặc Châu Âu - Thành phần tối thiểu: Sodium hypochlorite; Sodium hydrate.	2.100
20	Bộ hóa chất xét nghiệm tổng phân tích tế bào máu Sử dụng được trên máy Cell-dyn Ruby			
20.1	Dung dịch xác định HGB (Hemoglobin)	MI	- Xuất xứ: G7 - Thành phần tối thiểu: Quaternary salt, Organic buffer, Stabiliser.	240.000
20.2	Hóa chất pha loãng trong xét nghiệm huyết học	MI	- Xuất xứ: G7 - Thành phần tối thiểu: Sodium Chloride, Potassium Chloride, Buffer, Stabiliser.	8.600.000
20.3	Dung dịch phân tích bạch cầu	MI	- Xuất xứ: G7. - Thành phần tối thiểu: Organic buffer, Surfactant, Alcohol, Preservative.	820.000
20.4	Dung dịch rửa máy	MI	- Xuất xứ: G7 - Dung dịch rửa làm sạch các mảnh vụn tế bào, protein và chất béo. Thành phần tối thiểu: Organic buffer, Sodium salts, Proteolytic enzyme, Chất bảo quản.	1.200
20.5	Dung dịch chuẩn (control)	MI	- Xuất xứ: G7 - Hoá chất kiểm chuẩn huyết học dùng để đánh giá độ chính xác của máy phân tích huyết học, cung cấp các thành phần khác nhau của bạch cầu	216
21	Bộ hóa chất xét nghiệm tổng phân tích tế bào máu sử dụng trên máy xét nghiệm huyết học Mispa HX58			

STT	Tên hàng hoá mời thầu	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật (nếu có)	Số lượng
21.1	Dung dịch đếm tế bào máu	ML	Thành phần tối thiểu: Boric acid, Sodium chloride. Yêu cầu: pH 6.85±0.20. Độ dẫn điện 1750 ± 50 mS/m. Nồng độ thẩm thấu 305 ± 10mmol/L.	4.000.000
21.2	Dung dịch phá hủy tế bào hồng cầu để đo lường định lượng HGB	ML	Thành phần tối thiểu: Dodecyl trimethyl ammonium chloride, Hydrochloric acid. Yêu cầu: Số lượng bạch cầu (WBC) ≤0.5x10 ⁹ /L; Hàm lượng huyết sắc tố ≤2 g/L.	48.000
21.3	Dung dịch nhuộm tế bào máu	ML	Thành phần: Fluorescent dye. Yêu cầu: Số lượng bạch cầu (WBC) ≤ 0.5x10 ⁹ /L.	4.200
21.4	Dung dịch phá hủy các tế bào hồng cầu để phân loại và đếm các phép đo tế bào máu	ML	Thành phần tối thiểu: Dodecyltrimethyl ammonium chlorid, 4-(2-Hydroxyethyl)-1-piperazineethanesulfonic acid. Yêu cầu: Số lượng bạch cầu (WBC) ≤0.5x10 ⁹ /L; Hàm lượng huyết sắc tố ≤2 g/L.	134.000
21.5	Dung dịch rửa dùng cho máy phân tích huyết học	ML	Thành phần: Protease ≤ 0.50%.	1.200
22	Bộ hóa chất vật tư dùng cho máy đo tốc độ máu lắng ESR3000 /SFRI			
22.1	Ống chứa mẫu dùng cho xét nghiệm đo tốc độ máu lắng	Cái	Ống đo tốc độ máu lắng có nắp cao su, chứa ít nhất 0,32ml chất chống đông.	2.400
22.2	Hóa chất kiểm soát xét nghiệm đo tốc độ máu	ML		9
23	Cổng đo phản ứng	Cái	Sử dụng được trên máy Thrombostat 2	500
24	Bộ xét nghiệm IVD đo tải lượng RNA Hepatitis C Virus (HCV)	Test	- Xuất xứ: G7 - Giới hạn phát hiện: ≤ 12 IU/ml - Thể tích phản ứng: ≤ 25µl - Kỹ thuật Real-time PCR - Sử dụng được trên máy PCR Rotor-Gene Q (QIAGEN)	384
25	Bộ Kít đo tải lượng HBV	Test	- Thành phần: Mồi 1 & 2, MgCl ₂ , Tris HCl, KCl, taq polymerase, dNTP, UNG, dUTP, TQ probe (FAM và HEX hay JOE) - Cung cấp kèm hóa chất tách chiết - Sử dụng được trên máy PCR Rotor-Gene Q (QIAGEN)	1.500

STT	Tên hàng hoá mời thầu	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật (nếu có)	Số lượng
26	Bộ xét nghiệm IVD đo tải lượng DNA Hepatitis B Virus (HBV)	Test	- Xuất xứ: G7 - Giới hạn phát hiện: ≤ 6.5 IU/ml - Thể tích phản ứng: $\leq 25\mu\text{l}$ - Kỹ thuật Real-time PCR - Sử dụng được trên máy PCR Rotor-Gene Q (QIAGEN)	1.632
27	Bộ kit định tính vi khuẩn lao bằng phương pháp RT-PCR	Test/ mẫu	- Bộ xét nghiệm realtime RT-PCR, để phát hiện MTB – DNA trong các mẫu thử khác nhau (bao gồm tách chiết thủ công) - Thành phần: Hot-Start Taq polymerase, dNTP, MgCl_2, Mồi 1 & 2, TQ probe (FAM cho MTB và HEX hay JOE cho IC) trong PCR buffer - Sử dụng được trên máy PCR Rotor-Gene Q (QIAGEN)	864
28	Bộ xét nghiệm IVD định tính phức hợp vi khuẩn lao	Test	- Bộ kit định tính phức hợp vi khuẩn lao (Mycobacterium tuberculosis complex) từ mẫu mô, đàm, dịch rửa phế quản/khí quản, máu toàn phần, dịch não tủy, nước tiểu, dịch nuôi cấy vi khuẩn bằng phương pháp Real-time PCR. - Cung cấp kèm hoá chất tách chiết thủ công - Tiêu chuẩn chất lượng: CE-IVD - Sử dụng được trên máy PCR Rotor-Gene Q (QIAGEN)	800
29	Bộ kit phát hiện Virus HPV	Test/ mẫu	- Sử dụng được trên máy PCR Rotor-Gene Q (QIAGEN) (Cung cấp kèm hóa chất tách chiết thủ công)	1.440
30	Bộ tách chiết DNA/RNA thủ công	Test	- Bộ kit sử dụng ly trích và tinh sạch DNA bộ gen, DNA/RNA virus, DNA vi khuẩn bằng công nghệ cột lọc. Có Carrier RNA hỗ trợ tách chiết. - Chứng nhận: CE-IVD - Sử dụng được trên máy PCR bán tự động	2.000
31	Cóng phản ứng	cái	Dùng cho phân tích mẫu, Sử dụng được trên máy miễn dịch tự động ARCHITECT	144.000
32	Màng ngăn	cái	Dùng như phụ kiện trong xét nghiệm chẩn đoán in-vitro. Sử dụng được trên máy miễn dịch tự động ARCHITECT.	600

STT	Tên hàng hoá mời thầu	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật (nếu có)	Số lượng
33	Dung dịch xử lý tiền phản ứng	ML	Thành phần: $\geq 1,32\%$ hydrogen peroxide. Sử dụng được trên máy miễn dịch tự động ARCHITECT.	113.100
34	Dung dịch phản ứng miễn dịch	ML	Sử dụng được trên máy miễn dịch tự động ARCHITECT	132.600
35	Dung dịch rửa kim	ML	Được sử dụng như một bước trong quy trình bảo dưỡng hàng ngày để ngăn ngừa các chất không đặc hiệu bám vào kim. Thành phần: huyết tương người đã canxi hóa lại. Sử dụng được trên máy xét nghiệm miễn dịch Architect.	400
36	Dung dịch rửa máy	ML	Sử dụng được trên máy miễn dịch tự động ARCHITECT.	193.050
37	Bộ kit tách chiết thủ công DNA/RNA bằng phương pháp cột lọc (cột quay)	Test	Thành phần: NL Buffer, WB1 Buffer, WB2 Buffer, EB Buffer, Ethanol, Proteinase K, Cột silica, Tube 1.5mL, RNA carrier, Nước xử lý DEPC Sử dụng được trên máy PCR bán tự động	1.500
38	Hóa chất chẩn đoán (IVD) khí máu, điện giải dùng cho xét nghiệm nhanh tại chỗ	Thẻ /Test /cái	pH, PCO ₂ , PO ₂ , TCO ₂ , HCO ₃ , BE _{ecf} , sO ₂ , Hematocrit, Hemoglobin	200
39	Hóa chất chẩn đoán (IVD) khí máu và Lactate dùng cho xét nghiệm nhanh tại chỗ	Thẻ /Test /cái	pH, PCO ₂ , PO ₂ , TCO ₂ , HCO ₃ , BE _{ecf} , sO ₂ , Lactate	200
40	Hóa chất chẩn đoán (IVD) thời gian đông máu hoạt hóa Kaolin dùng cho xét nghiệm nhanh tại chỗ	Thẻ /Test /cái	Xét nghiệm chẩn đoán sử dụng máu toàn phần tươi và được sử dụng để tầm soát thường xuyên lượng thuốc chống đông heparin liều cao kết hợp thường dùng trong phẫu thuật tim mạch	1.500
41	Băng đựng hóa chất	Băng	Sử dụng được trên máy SterradNX	250
42	Băng đựng hydrogen peroxide	Băng	Sử dụng được trên máy Sterrad 100S	400
43	Hoá chất phun sương khử khuẩn không khí và bề mặt	Lít	Hoá chất: Hydrogen peroxide $\pm 5\%$ (w/w), Ion Ag $\pm 0,005\%$ (w/w). Sử dụng được trên trên máy phun sương khử khuẩn không khí và bề mặt	50

STT	Tên hàng hoá mời thầu	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật (nếu có)	Số lượng
44	Hóa chất rửa dụng cụ bằng máy rửa tự động	Lít	- Không gây ăn mòn kim loại - Hoá chất sử dụng được trên máy rửa dụng cụ tự động	5
45	Test thử đường huyết	Test	- Sử dụng enzym GDH-FAD cho kết quả chính xác. - Phạm vi đo lường Glucose (Khoảng kết quả): 10-600 mg/dl. - Cho kết quả nhanh ≤ 5 giây. - Thể tích lấy máu $\leq 0,5\mu\text{l}$. - Cung cấp kèm kim và máy thử đường huyết.	60.000
46	Dung dịch rửa giải loại A	ml	- Sử dụng được trên máy phân tích HbA1C tự động HA-8380V - Dung dịch rửa giải vùng trước A0 và làm bền cột sắc ký	100.800
47	Dung dịch rửa giải loại B	ml	- Sử dụng được trên máy phân tích HbA1C tự động HA-8380V - Dung dịch rửa giải vùng A0, các biến thể Hb (HbC và các biến thể khác)	16.200
48	Dung dịch rửa giải loại C	ml	- Sử dụng được trên máy phân tích HbA1C tự động HA-8380V - Dung dịch rửa giải vùng A0 và các biến thể Hb (HbS)	54.000
49	Dung dịch pha loãng máu toàn phần và rửa đường ống	ml	- Sử dụng được trên máy phân tích HbA1C tự động HA-8380V	72.000
50	Dung dịch hiệu chuẩn dùng cho xét nghiệm định lượng HbA1c bằng phương pháp sắc ký lỏng cao	ml	- Sử dụng được trên máy phân tích HbA1C tự động HA-8380V	75
51	Chất kiểm chuẩn mức 1 và 2 dùng cho xét nghiệm định lượng HbA1c bằng phương pháp sắc ký lỏng cao áp.	ml	- Sử dụng được trên máy phân tích HbA1C tự động HA-8380V	50
52	Dung dịch dùng để pha loãng chất chuẩn	ml	- Sử dụng được trên máy phân tích HbA1C tự động HA-8380V	1.060
53	Dung dịch nước rửa máy HA-8380 V	ml	- Sử dụng được trên máy phân tích HbA1C tự động HA-8380V	750
54	Cột sắc ký; Dùng cho xét nghiệm định lượng HbA1C bằng phương pháp sắc ký lỏng cao áp.	cái	- Sử dụng được trên máy phân tích HbA1C tự động HA-8380V	5
55	Que thử nước tiểu 10 thông số	Que	- Que thử nước tiểu 10 thông số bao gồm: Glucose, Protein, Bilirubin, Urobilinogen, pH, S.G, Blood, Ketones, Nitrite, Leucocytes. - Sử dụng được trên máy phân tích nước tiểu tự động Aution Max AX4030	72.000

STT	Tên hàng hoá mời thầu	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật (nếu có)	Số lượng
56	Dung dịch rửa máy phân tích nước tiểu tự động	ML	- Sử dụng được trên máy phân tích nước tiểu tự động Aution Max AX4030	20.000
57	Chất kiểm chuẩn Mức 1 và mức 2.	ML	- Sử dụng được trên máy phân tích nước tiểu tự động Aution Max AX4030	1.000
58	Hoá chất làm điện giải đồ	ML	- Sử dụng được trên máy phân tích điện giải CBS4, CBS400	400.000
59	Chất kiểm chuẩn máy điện giải	ML	- Sử dụng được trên máy phân tích điện giải CBS4, CBS400	200
60	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng các thông số khí máu và điện giải	ML	- Sử dụng được trên máy phân tích khí máu tự động Cobas b221	172.620
61	Dung dịch rửa cho máy phân tích khí máu và điện giải.	ML	- Sử dụng được trên máy phân tích khí máu tự động Cobas b221	155.400
62	Hóa chất kiểm chứng các phép đo trên máy khí máu, mức 1	ML	- Sử dụng được trên máy phân tích khí máu tự động Cobas b221	255
63	Hóa chất kiểm chứng các phép đo trên máy khí máu, mức 2	ML	- Sử dụng được trên máy phân tích khí máu tự động Cobas b221	255
64	Hóa chất kiểm chứng các phép đo trên máy khí máu, mức 3	ML	- Sử dụng được trên máy phân tích khí máu tự động Cobas b221	255
65	Dung dịch rửa và khử nhiễm	ML	- Sử dụng được trên máy phân tích khí máu tự động Cobas b221	250
66	Thuốc thử xét nghiệm định lượng pH, PCO2, PO2	ML	- Sử dụng được trên máy phân tích khí máu EasyBloodGas	16.000
67	Dung dịch rửa dùng cho máy xét nghiệm khí máu và điện giải	ML	- Sử dụng được trên máy phân tích khí máu EasyBloodGas	200
68	Vật liệu kiểm soát mức 1 xét nghiệm định lượng các thông số khí máu và điện giải	ML	- Sử dụng được trên máy phân tích khí máu EasyBloodGas	120
69	Vật liệu kiểm soát mức 2 xét nghiệm định lượng các thông số khí máu và điện giải	ML	- Sử dụng được trên máy phân tích khí máu EasyBloodGas	120
70	Vật liệu kiểm soát mức 3 xét nghiệm định lượng các thông số khí máu và điện giải	ML	- Sử dụng được trên máy phân tích khí máu EasyBloodGas	120
71	Bộ đường ống máy khí máu	cái	- Sử dụng được trên máy phân tích khí máu EasyBloodGas	5
72	Giếng phản ứng	Cái	- Sử dụng được trên máy miễn dịch tự động DXI 800	234.900
73	Dung dịch đệm rửa cho máy miễn dịch tự động	ML	- Sử dụng được trên máy miễn dịch tự động Access 2	187.000
74	Cơ chất được dùng với hệ thống xét nghiệm miễn dịch và thuốc thử xét nghiệm miễn dịch	ML	- Sử dụng được trên máy miễn dịch tự động Access 2/ DXI 800	55.796
75	Dung dịch rửa dòng máy miễn dịch tự động	lít	- Sử dụng được trên máy miễn dịch tự động DXI 800	7.200
76	Dung môi hòa tan được sử dụng để làm sạch thiết bị	ML	- Sử dụng được trên máy miễn dịch tự động Access 2	7.600

STT	Tên hàng hoá mời thầu	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật (nếu có)	Số lượng
77	Dung dịch làm sạch	ML	- Dung dịch rửa loại bỏ việc tích tụ các chất tẩy rửa gây cản trở quá trình phân tích - Sử dụng được trên máy miễn dịch tự động Access 2/ DXI 800	2.000
78	Dung dịch kiểm tra hệ thống	ML	- Sử dụng được trên máy miễn dịch tự động Access 2/ DXI 800	192
79	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Ferritin.	Test	- Sử dụng được trên máy miễn dịch tự động Access 2/ DXI 800	5.700
80	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng	ML	- Sử dụng được trên máy miễn dịch tự động Access 2/ DXI 800	168
81	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Insulin.	Test	- Sử dụng được trên máy miễn dịch tự động Access 2/ DXI 800	400
82	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng	ML	- Sử dụng được trên máy miễn dịch tự động Access 2/ DXI 800	36
83	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Total β hCG	Test	- Sử dụng được trên máy miễn dịch tự động Access 2/ DXI 800	2.700
84	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Total β hCG	ML	- Sử dụng được trên máy miễn dịch tự động Access 2/ DXI 800	120
85	Hóa chất dùng cho xét nghiệm hLH	Test	- Sử dụng được trên máy miễn dịch tự động Access 2/ DXI 800	400
86	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng hLH	ML	- Sử dụng được trên máy miễn dịch tự động Access 2/ DXI 800	72
87	Hóa chất dùng cho xét nghiệm hFSH	Test	- Sử dụng được trên máy miễn dịch tự động Access 2/ DXI 800	400
88	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng	ML	- Sử dụng được trên máy miễn dịch tự động Access 2/ DXI 800	72
89	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Estradiol	Test	- Sử dụng được trên máy miễn dịch tự động Access 2/ DXI 800	400
90	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Estradiol	ML	- Sử dụng được trên máy miễn dịch tự động Access 2/ DXI 800	42
91	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Progesterone	Test	- Sử dụng được trên máy miễn dịch tự động Access 2/ DXI 800	1.200
92	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Progesterone	ML	- Sử dụng được trên máy miễn dịch tự động Access 2/ DXI 800	99
93	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Testosterone	Test	- Sử dụng được trên máy miễn dịch tự động Access 2/ DXI 800	400
94	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Testosterone	ML	- Sử dụng được trên máy miễn dịch tự động Access 2/ DXI 800	45
95	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Cortisol	Test	- Sử dụng được trên máy miễn dịch tự động Access 2/ DXI 800	3.900
96	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Cortisol	ML	- Sử dụng được trên máy miễn dịch tự động Access 2/ DXI 800	144
97	Hóa chất dùng cho xét nghiệm hsTnI	Test	- Sử dụng được trên máy miễn dịch tự động Access 2/ DXI 800	21.000
98	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng	ML	- Sử dụng được trên máy miễn dịch tự động Access 2/ DXI 800	68
99	Hóa chất dùng cho xét nghiệm TSH	Test	- Sử dụng được trên máy miễn dịch tự động Access 2/ DXI 800	24.000
100	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng TSH	ML	- Sử dụng được trên máy miễn dịch tự động Access 2/ DXI 800	90

STT	Tên hàng hoá mời thầu	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật (nếu có)	Số lượng
101	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Total T3	Test	- Sử dụng được trên máy miễn dịch tự động Access 2/ DXI 800	16.400
102	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Total T3	ML	- Sử dụng được trên máy miễn dịch tự động Access 2/ DXI 800	90
103	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Free T4	Test	- Sử dụng được trên máy miễn dịch tự động Access 2/ DXI 800	24.000
104	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Free T4	ML	- Sử dụng được trên máy miễn dịch tự động Access 2/ DXI 800	90
105	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Thyroglobulin	Test	- Sử dụng được trên máy miễn dịch tự động Access 2/ DXI 800	2.500
106	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Thyroglobulin	ML	- Sử dụng được trên máy miễn dịch tự động Access 2/ DXI 800	100
107	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Thyroglobulin Antibody II	Test	- Sử dụng được trên máy miễn dịch tự động Access 2/ DXI 800	2.500
108	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Thyroglobulin Antibody II	ML	- Sử dụng được trên máy miễn dịch tự động Access 2/ DXI 800	100
109	Hóa chất dùng cho xét nghiệm TPO Antibody	Test	- Sử dụng được trên máy miễn dịch tự động Access 2/ DXI 800	600
110	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng TPO Antibody	ML	- Sử dụng được trên máy miễn dịch tự động Access 2/ DXI 800	48
111	Hóa chất dùng cho xét nghiệm CEA	Test	- Sử dụng được trên máy miễn dịch tự động Access 2/ DXI 800	3.000
112	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng CEA	ML	- Sử dụng được trên máy miễn dịch tự động Access 2/ DXI 800	90
113	Hóa chất dùng cho xét nghiệm AFP	Test	- Sử dụng được trên máy miễn dịch tự động Access 2/ DXI 800	2.400
114	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng AFP	ML	- Sử dụng được trên máy miễn dịch tự động Access 2/ DXI 800	123
115	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Hybritech PSA	Test	- Sử dụng được trên máy miễn dịch tự động Access 2/ DXI 800	2.700
116	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Hybritech PSA	ML	- Sử dụng được trên máy miễn dịch tự động Access 2/ DXI 800	90
117	Hóa chất định lượng prolactin	Test	- Sử dụng được trên máy miễn dịch tự động Access 2/ DXI 800	500
118	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng prolactin	ML	- Sử dụng được trên máy miễn dịch tự động Access 2/ DXI 800	66
119	Hóa chất định lượng CA 125	Test	- Sử dụng được trên máy miễn dịch tự động Access 2/ DXI 800	2.400
120	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng CA 125	ML	- Sử dụng được trên máy miễn dịch tự động Access 2/ DXI 800	75
121	Hóa chất định lượng xét nghiệm CA 15-3	Test	- Sử dụng được trên máy miễn dịch tự động Access 2/ DXI 800	3.600
122	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng CA 15-3	ML	- Sử dụng được trên máy miễn dịch tự động Access 2/ DXI 800	72
123	Hóa chất định lượng CA 19-9	Test	- Sử dụng được trên máy miễn dịch tự động Access 2/ DXI 800	900
124	Chất định chuẩn xét nghiệm định lượng CA 19-9	ML	- Sử dụng được trên máy miễn dịch tự động Access 2/ DXI 800	75

STT	Tên hàng hoá mời thầu	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật (nếu có)	Số lượng
125	Hóa chất nội kiểm các xét nghiệm tim mạch mức (1, 2, 3)	ML	- Sử dụng được trên máy miễn dịch tự động Access 2/ DXI 800	216
126	Hóa chất nội kiểm các xét nghiệm miễn dịch	ML	- Sử dụng được trên máy miễn dịch tự động Access 2/ DXI 800	135
127	Hóa chất nội kiểm các xét nghiệm miễn dịch	ML	- Sử dụng được trên máy miễn dịch tự động Access 2/ DXI 800	135
128	Hóa chất nội kiểm các xét nghiệm miễn dịch	ML	- Sử dụng được trên máy miễn dịch tự động Access 2/ DXI 800	135
129	Hóa chất định lượng procalcitonin	Test	- Sử dụng được trên máy miễn dịch tự động Access 2/ DXI 800	6.000
130	Chất chuẩn của xét nghiệm định lượng procalcitonin	ML	- Sử dụng được trên máy miễn dịch tự động Access 2/ DXI 800	112
131	Thuốc thử dùng cho xét nghiệm định lượng TSH	Test	- Sử dụng được trên máy miễn dịch tự động Cobas e601	22.800
132	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm TSH	ML	- Sử dụng được trên máy miễn dịch tự động Cobas e601	32
133	Thuốc thử dùng cho xét nghiệm định lượng T3	Test	- Sử dụng được trên máy miễn dịch tự động Cobas e601	16.000
134	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm T3	ML	- Sử dụng được trên máy miễn dịch tự động Cobas e601	24
135	Thuốc thử dùng cho xét nghiệm định lượng FT4	Test	- Sử dụng được trên máy miễn dịch tự động Cobas e601	22.800
136	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm FT4	ML	- Sử dụng được trên máy miễn dịch tự động Cobas e601	24
137	Hóa chất nội kiểm các xét nghiệm miễn dịch: Anti-TSHR, Anti-TPO và Anti-Tg	ML	- Sử dụng được trên máy miễn dịch tự động Cobas e601	56
138	Thuốc thử dùng cho xét nghiệm định lượng Troponin T hs	Test	- Sử dụng được trên máy miễn dịch tự động Cobas e601	35.000
139	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm Troponin T hs	ML	- Sử dụng được trên máy miễn dịch tự động Cobas e601	28
140	Hóa chất nội kiểm các xét nghiệm định lượng troponin T tim và troponin I tim.	ML	- Sử dụng được trên máy miễn dịch tự động Cobas e601	80
141	Thuốc thử dùng cho xét nghiệm định lượng proBNP	Test	- Sử dụng được trên máy miễn dịch tự động Cobas e601	10.800
142	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm proBNP	ML	- Sử dụng được trên máy miễn dịch tự động Cobas e601	32
143	Hóa chất nội kiểm các xét nghiệm miễn dịch tim mạch	ML	- Sử dụng được trên máy miễn dịch tự động Cobas e601	64
144	Thuốc thử dùng cho xét nghiệm định lượng AFP	Test	- Sử dụng được trên máy miễn dịch tự động Cobas e601	2.400
145	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm AFP	ML	- Sử dụng được trên máy miễn dịch tự động Cobas e601	24
146	Thuốc thử dùng cho xét nghiệm định lượng CA 72-4	Test	- Sử dụng được trên máy miễn dịch tự động Cobas e601	2.400
147	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm CA 72-4	ML	- Sử dụng được trên máy miễn dịch tự động Cobas e601	28

STT	Tên hàng hoá mời thầu	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật (nếu có)	Số lượng
148	Thuốc thử dùng cho xét nghiệm định lượng Cyfra 21-1	Test	- Sử dụng được trên máy miễn dịch tự động Cobas e601	1.800
149	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm Cyfra 21-1	ML	- Sử dụng được trên máy miễn dịch tự động Cobas e601	24
150	Thuốc thử dùng cho xét nghiệm định lượng NSE	Test	- Sử dụng được trên máy miễn dịch tự động Cobas e601	900
151	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm NSE	ML	- Sử dụng được trên máy miễn dịch tự động Cobas e601	24
152	Thuốc thử dùng cho xét nghiệm định lượng HE4	Test	- Sử dụng được trên máy miễn dịch tự động Cobas e601	1.200
153	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm HE4	ML	- Sử dụng được trên máy miễn dịch tự động Cobas e601	28
154	Chất nội kiểm xét nghiệm định lượng HE4	ML	- Sử dụng được trên máy miễn dịch tự động Cobas e601	28
155	Hóa chất nội kiểm các xét nghiệm định lượng miễn dịch hỗ trợ chẩn đoán ung thư	ML	- Sử dụng được trên máy miễn dịch tự động Cobas e601	120
156	Thuốc thử dùng cho xét nghiệm định lượng	Test	- Sử dụng được trên máy miễn dịch tự động Cobas e601	3.600
157	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm Ferritin	ML	- Sử dụng được trên máy miễn dịch tự động Cobas e601	28
158	Thuốc thử dùng cho xét nghiệm định lượng	Test	- Sử dụng được trên máy miễn dịch tự động Cobas e601	9.000
159	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm ACTH	ML	- Sử dụng được trên máy miễn dịch tự động Cobas e601	28
160	Thuốc thử xét nghiệm định lượng β hCG	Test	- Sử dụng được trên máy miễn dịch tự động Cobas e601	5.000
161	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm β hCG	ML	- Sử dụng được trên máy miễn dịch tự động Cobas e601	28
162	Thuốc thử dùng cho xét nghiệm định lượng	Test	- Sử dụng được trên máy miễn dịch tự động Cobas e601	4.200
163	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm cortisol	ML	- Sử dụng được trên máy miễn dịch tự động Cobas e601	28
164	Chất nội kiểm các xét nghiệm định lượng ACTH, C-peptide, hGH, Insulin, IL6, Plgf, Sflt-1	ML	- Sử dụng được trên máy miễn dịch tự động Cobas e601	108
165	Thuốc thử dùng cho xét nghiệm định lượng PCT	Test	- Sử dụng được trên máy miễn dịch tự động Cobas e601	6.000
166	Thuốc thử dùng cho xét nghiệm định lượng IgE	Test	- Sử dụng được trên máy miễn dịch tự động Cobas e601	17.000
167	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm IgE	ML	- Sử dụng được trên máy miễn dịch tự động Cobas e601	32
168	Chất nội kiểm các xét nghiệm miễn dịch	ML	- Dùng cho các xét nghiệm: Cortisol, Ft4, IgE, T3, TSH - Sử dụng được trên máy miễn dịch tự động Cobas e601	120
169	Dung dịch pha loãng mẫu	ML	- Sử dụng được trên máy miễn dịch tự động Cobas e601	320
170	Dung dịch dùng làm sạch đơn vị điện cực trên máy xét nghiệm.	ML	- Sử dụng được trên máy miễn dịch tự động Cobas e601	2.000
171	Dung dịch hệ thống dùng để rửa bộ phát hiện của máy phân tích xét nghiệm miễn dịch.	ML	- Sử dụng được trên máy miễn dịch tự động Cobas e601	792.000
172	Dung dịch hệ thống dùng để phát tín hiệu điện hóa cho máy phân tích xét nghiệm miễn dịch	ML	- Sử dụng được trên máy miễn dịch tự động Cobas e601	792.000

STT	Tên hàng hoá mời thầu	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật (nếu có)	Số lượng
173	Dung dịch rửa dùng để loại bỏ các chất có tiềm năng gây nhiễu việc phát hiện các tín hiệu trên máy miễn dịch	ML	- Sử dụng được trên máy miễn dịch tự động Cobas e601	594.000
174	Dung dịch rửa kim dùng cho máy phân tích miễn dịch trong quá trình vận hành khi thay đổi thuốc	ML	- Sử dụng được trên máy miễn dịch tự động Cobas e601	2.340
175	Cốc phản ứng và đầu côn dùng một lần	Cái	- Sử dụng được trên máy miễn dịch tự động Cobas e601	300.000
176	Cup đựng mẫu phẩm (Dụng cụ chứa mẫu)	Cái	- Sử dụng được trên máy miễn dịch tự động Cobas e601	20.000
177	Thuốc thử dùng cho xét nghiệm định lượng PSA toàn phần	Test	- Sử dụng được trên máy miễn dịch tự động Cobas e601	1.200
178	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm PSA	ML	- Sử dụng được trên máy miễn dịch tự động Cobas e601	28
179	Thuốc thử dùng cho xét nghiệm định lượng CEA	Test	- Sử dụng được trên máy miễn dịch tự động Cobas e601	1.800
180	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm CEA	ML	- Sử dụng được trên máy miễn dịch tự động Cobas e601	28
181	Thuốc thử dùng cho xét nghiệm định lượng kháng thể kháng thyroglobulin	Test	- Sử dụng được trên máy miễn dịch tự động Cobas e601	2.500
182	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm Anti-TG	ML	- Sử dụng được trên máy miễn dịch tự động Cobas e601	28
183	Thuốc thử dùng cho xét nghiệm định lượng Thyroglobulin	Test	- Sử dụng được trên máy miễn dịch tự động Cobas e601	2.500
184	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm Thyroglobulin	ML	- Sử dụng được trên máy miễn dịch tự động Cobas e601	28
185	Hóa chất dùng cho xét nghiệm bán định lượng Anti-CCP	Test	- Sử dụng được trên máy miễn dịch tự động Cobas e601	1.200
186	Hóa chất dùng cho kiểm chuẩn xét nghiệm định lượng Anti-CCP	ML	- Sử dụng được trên máy miễn dịch tự động Cobas e601	64
187	Thuốc thử xét nghiệm C-peptide	Test	- Sử dụng được trên máy miễn dịch tự động Cobas e601	1.000
188	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng C-	ML	- Sử dụng được trên máy miễn dịch tự động Cobas e601	24
189	Chất nội kiểm các xét nghiệm định lượng ACTH, C-Peptide, hGH, Insulin	ML	- Sử dụng được trên máy miễn dịch tự động Cobas e601	36
190	Thuốc thử xét nghiệm định lượng tự kháng thể kháng TSHR	Test	- Sử dụng được trên máy miễn dịch tự động Cobas e601	1.000
191	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng tự kháng thể kháng TSHR	ML	- Sử dụng được trên máy miễn dịch tự động Cobas e601	50
192	Chất nội kiểm xét nghiệm định lượng kháng thể kháng TSHR	ML	- Sử dụng được trên máy miễn dịch tự động Cobas e601	50

STT	Tên hàng hoá mời thầu	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật (nếu có)	Số lượng
193	Điện cực xét nghiệm định lượng pH	Cái	Sử dụng được trên máy phân tích khí máu EasyBloodGas	1
194	Điện cực xét nghiệm định lượng PCO2	Cái	Sử dụng được trên máy phân tích khí máu EasyBloodGas	1
195	Điện cực xét nghiệm định lượng PO2	Cái	Sử dụng được trên máy phân tích khí máu EasyBloodGas	1
196	Điện cực tham chiếu xét nghiệm định lượng các thông số khí máu và điện giải	Cái	Sử dụng được trên máy phân tích khí máu EasyBloodGas	1
197	Bộ van dùng cho máy khí máu	Cái	Sử dụng được trên máy phân tích khí máu EasyBloodGas	1
198	Bóng đèn Halogen, 12V 20W	Cái	- Sử dụng được trên máy sinh hoá tự động DxC 700AU - Bóng đèn quang học, nguồn sáng, 12Vdc 20W.	10
199	Dây bơm	Cái	- Sử dụng được trên máy sinh hoá tự động DxC 700AU - Dùng để bơm dung dịch tẩy, rửa hoặc dung dịch ISE. Làm bằng vật liệu nhựa và cao su. Tổng chiều dài 10,7 cm (+/- 0,2 cm), chiều dài cao su: 8,8 cm (+/- 0,2 cm), đường kính 0,5 cm (+/- 0,1 cm).	8
200	Bộ kit thu nhận tiểu cầu	Bộ	Sử dụng được trên máy Haemonetics MCS+	400
Tổng 200 phần (lô); 340 mặt hàng				

Phụ lục II
MẪU BẢNG BÁO GIÁ HÀNG HOÁ
(Kèm theo Yêu cầu báo giá ngày 20 tháng 10 năm 2025 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Trị)

Công ty:.....
Địa chỉ :.....
Điện thoại :.....
Mã số thuế:.....

BÁO GIÁ

TT	STT tại Yêu cầu báo giá	Tên hàng hóa mời báo giá	Tên thương mại	Mã hàng/ký mã hiệu	Yêu cầu kỹ thuật (nếu có)	Đơn vị tính	Quy cách	Hãng và nước sản xuất	Giấy chứng nhận chất lượng	Pháp lý sản phẩm (số ĐKLH/ phiếu công bố/ TKHQ,..)	Số lượng	Đơn giá (VNĐ) đã gồm VAT	Thành tiền (VNĐ)	Công ty báo giá
1														
2														
3														
Tổng số khoản:.....														

Báo giá này có hiệu lực trong vòng: 150 ngày, kể từ ngày 31 tháng 10 năm 2025

Đơn giá trên đã bao gồm chi phí vận chuyển.

Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Chịu trách nhiệm cung cấp thông tin về giá của hàng hóa, dịch vụ phù hợp với khả năng cung cấp của mình và phải bảo đảm việc cung cấp báo giá không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá hoặc nâng khống giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
(Ký tên và đóng dấu)